

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TÂY HỒ TÂY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TÂY HỒ TÂY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAY HO TAY TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109999037

**3. Ngày thành lập:** 17/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6 M1 Tòa chung cư 6th Element, đường Xuân Tảo, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916711519

Fax:

Email: [thuongmaixaydungtayhotay@gmail.com](mailto:thuongmaixaydungtayhotay@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                         | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                         | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                    | 4390     |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                    | 4511     |
| 6.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                            | 4512     |
| 7.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                      | 4513     |
| 8.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                         | 4520     |
| 9.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác     | 4530     |
| 10. | Bán mô tô, xe máy                                                      | 4541     |
| 11. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                    | 4542     |
| 12. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                  | 4543     |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620     |
| 14. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                         | 4631     |
| 15. | Bán buôn thực phẩm                                                     | 4632     |
| 16. | Bán buôn đồ uống                                                       | 4633     |
| 17. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                   | 4641     |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                     | 4649     |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                    | 4651     |

|     |                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                         | 4652        |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                     | 4653        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                            | 4659        |
| 23. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                               | 4661        |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                        | 4662        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                    | 4663        |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                          | 4669        |
| 27. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh Bất động sản | 6810(Chính) |
| 28. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                          | 4690        |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp       | 4711        |
| 30. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                         | 4719        |
| 31. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                          | 4721        |
| 32. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                           | 4722        |
| 33. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4723        |
| 34. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                        | 4724        |
| 35. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4730        |
| 36. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                           | 4781        |
| 37. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                   | 4782        |
| 38. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                         | 4783        |
| 39. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                        | 4784        |
| 40. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                        | 4785        |
| 41. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                 | 4789        |
| 42. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                          | 4101        |
| 43. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                    | 4102        |
| 44. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                              | 4211        |
| 45. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                               | 4212        |
| 46. | Xây dựng công trình điện                                                                                                   | 4221        |
| 47. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                        | 4222        |
| 48. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                         | 4223        |
| 49. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                          | 4229        |
| 50. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                   | 4291        |
| 51. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                            | 4292        |
| 52. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                      | 4293        |
| 53. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                 | 4299        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 54. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 55. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 56. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 57. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 58. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 59. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 60. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 61. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 62. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 63. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 64. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 65. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 66. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 67. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 68. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 69. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 21.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN TRIỆU | Số 4 ngách<br>132/45 phố<br>Khương Trung,<br>Phường Khương<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 105.000       | 1.050.000.000            | 5,000        | 0340750108<br>10                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Tổng số                            | 105.000       | 1.050.000.000            | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>VĂN SỰ    | Yến Sào, Xã<br>Xuân Giang,<br>Huyện Sóc Sơn,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.680.0<br>00 | 16.800.000.000           | 80,000       | 012404070                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Tổng số                            | 1.680.0<br>00 | 16.800.000.000           | 80,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                        |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN ĐIỀN | 401 TTBCA 68A Ngõ Văn Hương, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 315.000 | 3.150.000.000 | 15,000 | 034060006016 |
|   |                 |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                        | Tổng số                   | 315.000 | 3.150.000.000 | 15,000 |              |
|   |                 |                                                                                        |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034060006016

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 401 TTBCA 68A Ngõ Văn Hương, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 401 TTBCA 68A Ngõ Văn Hương, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội